

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



BÁO CÁO **CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN** **CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG** **CÔNG ÍCH ĐẾN NĂM 2025**

(Thực hiện Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Trình bày: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ TTTT

NỘI DUNG

1. CHƯƠNG TRÌNH
CUNG CẤP DỊCH VỤ
VIỄN THÔNG CÔNG ÍCH
ĐẾN NĂM 2025

2. HƯỚNG DẪN THỰC
HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DVVTCI ĐẾN NĂM 2025

1. MỤC TIÊU

Cung cấp DVVTCI ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, khu vực có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DVVTCI ĐẾN NĂM 2025

2. NHIỆM VỤ

2.1. Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI

- a) Hỗ trợ một phần chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất; dịch vụ Internet BRCĐ.
- b) Hỗ trợ một phần chi phí cung cấp dịch vụ Internet băng rộng công cộng.
- c) Hỗ trợ chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ truyền số liệu để kết nối thông tin từ đất liền ra các đảo, nhà giàn trên biển.

CHƯƠNG
TRÌNH
CUNG CẤP
DVVTCT
ĐẾN NĂM
2025

2.2. Hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ VTCT

a) Miễn phí dịch vụ viễn thông bắt buộc;

b) Hỗ trợ trang bị thiết bị đầu cuối:

- Mỗi hộ 01 máy tính bảng cho 400.000 hộ.

- Một phần chi phí trang bị 01 điện thoại thông minh cho 400.000 hộ.

c) Hỗ trợ 1 phần chi phí sử dụng dịch vụ sau:

- Dịch vụ viễn thông di động mặt đất.

- Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định.

CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DVVTCI ĐẾN NĂM 2025

d) Hỗ trợ chi phí cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng:

- Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.
- Trạm y tế xã.
- Điểm cung cấp dịch vụ Internet băng rộng cho cộng đồng dân cư thuộc Chương trình MTQG vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

đ) Hỗ trợ một phần chi phí sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải qua hệ thống đài thông tin duyên hải cho ngư dân đánh bắt hải sản.

CHƯƠNG TRÌNH CUNG CẤP DVVTCI ĐẾN NĂM 2025

2.3. Thông tin, tuyên truyền; Hướng dẫn sử dụng dịch vụ viễn thông công ích; kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

2.4. Kinh phí của Chương trình: 12.500 tỷ đồng

(Đóng góp của các doanh nghiệp viễn thông: 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông)

3. GIẢI PHÁP

3.1. Phương thức hỗ trợ cung cấp dịch vụ VTCI

- Đặt hàng;
- Đấu thầu;
- Giao nhiệm vụ.

CHƯƠNG
TRÌNH CUNG
CẤP DVVTCI
ĐẾN NĂM
2025

5. THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

Đến hết ngày 31/12/2025

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Bộ Thông tin và Truyền thông.

6.2. Các Bộ, Ban ngành.

6.3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố TW.

6.4. Các doanh nghiệp viễn thông.

6.5. Các đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

Điều 3.3.a: Sử dụng khoảng 5.000 tỷ từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để phát triển hạ tầng viễn thông, internet, trong đó sử dụng 1.000 tỷ đồng để trang bị máy tính bảng thực hiện Chương trình ‘Sóng và máy tính cho em’.

**Nghị quyết số
43/2022/QH15:
Chính sách tài
khoá, tiền tệ
phục hồi và
phát triển kinh
tế - xã hội**

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

2. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

3. THÔNG TƯ QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ VTCI

Căn cứ hướng dẫn:

1. Các nguyên tắc cung cấp dịch vụ VTCI

2. Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025

3. Các quy định của pháp luật (về chất lượng dịch vụ viễn thông, giá, đấu thầu)

1. Nguyên tắc cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

a) Phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, phổ cập dịch vụ viễn thông trên phạm vi cả nước, trong đó **tập trung ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn** và các khu vực mà doanh nghiệp viễn thông không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường;

b) Bảo đảm quyền truy nhập dịch vụ bình đẳng, hợp lý cho mọi người dân, đồng thời theo từng thời kỳ, **Nhà nước có chính sách ưu tiên hỗ trợ cung cấp thiết bị đầu cuối và dịch vụ viễn thông công ích cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác;**

c) **Việc hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thiết bị đầu cuối và cung cấp dịch vụ viễn thông công ích được thực hiện thông qua doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, doanh nghiệp sản xuất thiết bị đầu cuối hoặc trực tiếp tới người sử dụng dịch vụ viễn thông.**

(Khoản 1, Điều 14 Nghị định 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông):

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCl KÈM THEO

1. Đối tượng áp dụng:

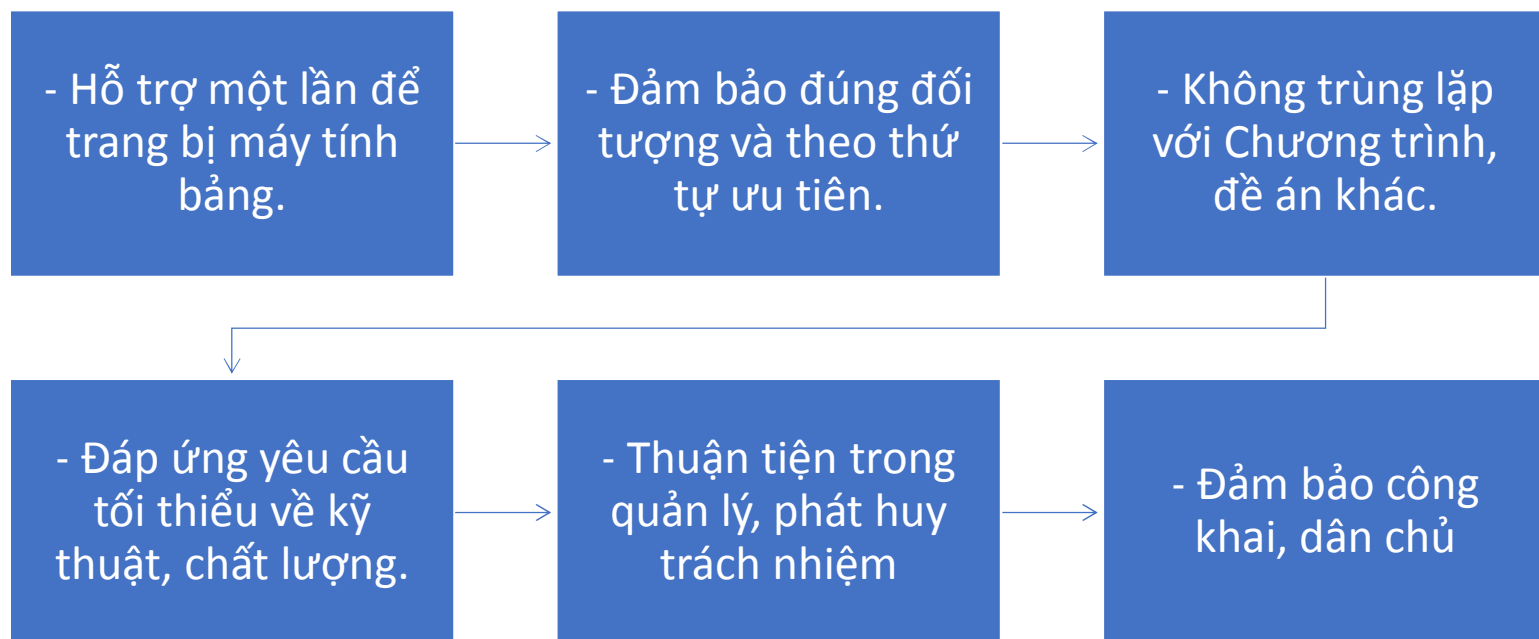
- Các bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương;

- Các hộ nghèo, hộ cận nghèo và gia đình chính sách xã hội

- Các doanh nghiệp SX thiết bị đầu cuối, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCl.

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

2. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ máy tính bảng



I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

3. Điều kiện nhận hỗ trợ máy tính bảng

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội.

- Có thành viên đang học tại các cơ sở GDPT.

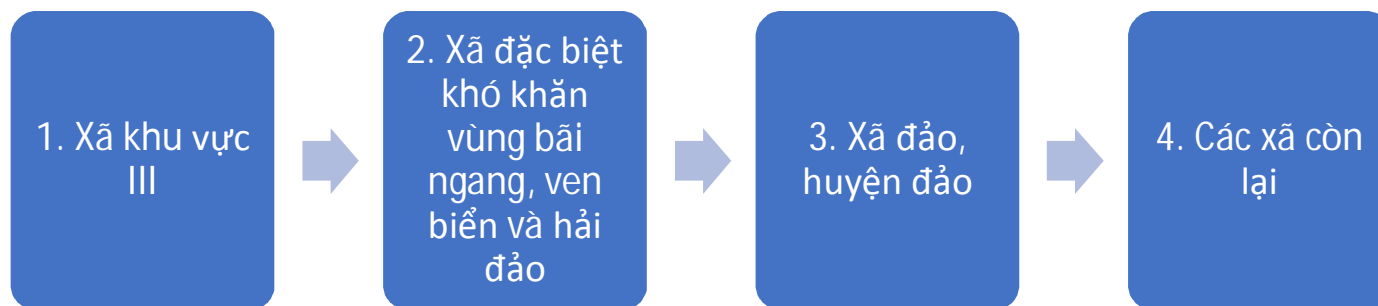
- Có nhu cầu nhận hỗ trợ máy tính bảng.

- Chưa nhận hỗ trợ máy tính từ chương trình, đề án khác.

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

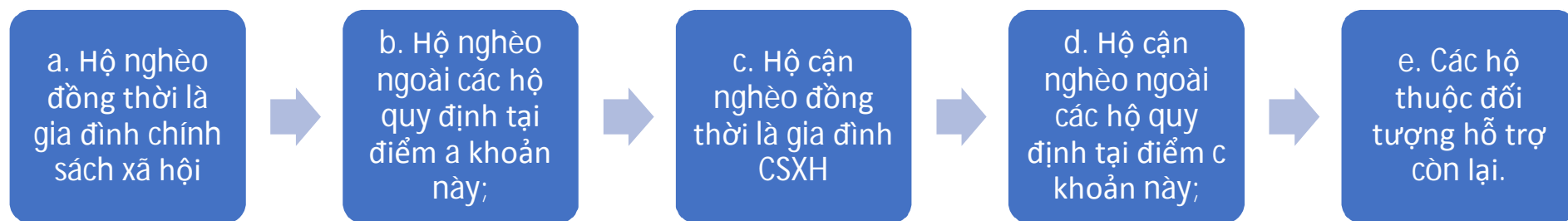
4. Tiêu chí ưu tiên

4.1. Ưu tiên về địa bàn cư trú:



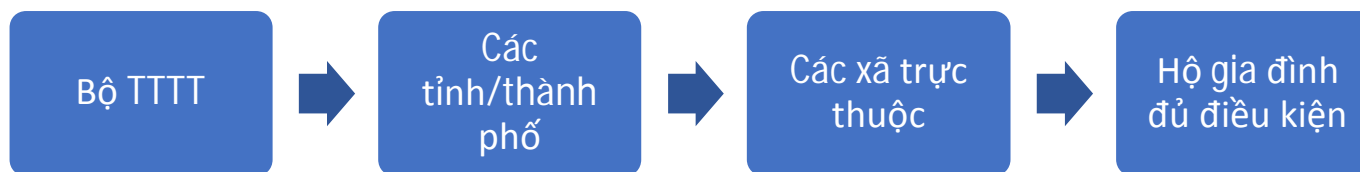
I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

4.2. Ưu tiên đối với hộ gia đình



I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

5. Quy trình phân bổ máy tính bảng



6. Phân bổ máy tính cho địa phương

6.1. Tiêu chí phân bổ:

- Số lượng hộ nghèo, cận nghèo của từng tỉnh.
- Số đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
- Địa bàn xã theo thứ tự ưu tiên.

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

6.2. Công thức phân bổ cho địa phương

$$\text{Số máy tính bảng phân bổ cho từng tỉnh} = \frac{\text{Tổng số máy tính bảng của Chương trình}}{\text{Tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo quy đổi của toàn quốc}} \times \text{Số hộ nghèo, hộ cận nghèo quy đổi của từng tỉnh}$$

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCl KÈM THEO

7. Phân bổ máy tính bảng tại địa phương

- Quyết định tiêu chí, thứ tự ưu tiên, cách phân bổ, số lượng máy tính bảng.

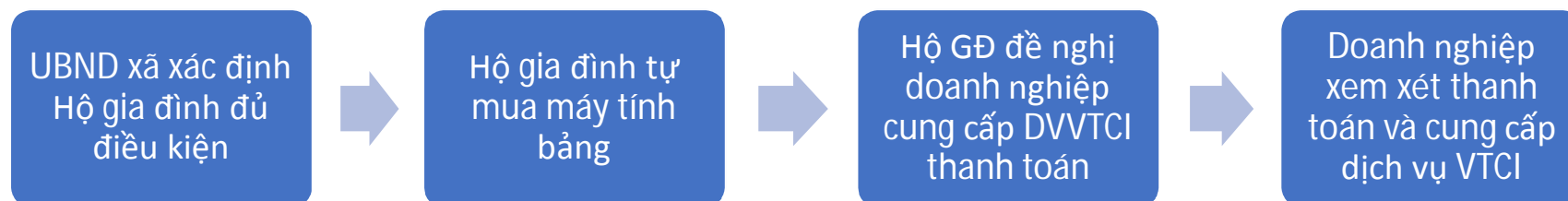
- Quy định trình tự, thủ tục, cách xác định lựa chọn hộ gia đình được hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ VTCl kèm theo máy tính bảng tại địa phương;

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

8. Hình thức hỗ trợ máy tính bảng: Dự thảo 2 phương án:

8.1. Phương án 1: Hỗ trợ bằng tiền mặt: 2.500.000 đồng/01 máy tính bảng

Quy trình thực hiện:



I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCl KÈM THEO

8.2. Phương án 2: Hỗ trợ bằng hiện vật kết hợp cung cấp dịch vụ VTCl kèm theo

Bộ TTTT tổ chức đấu thầu cung cấp máy tính bảng và dịch vụ VTCl kèm theo



Doanh nghiệp trúng thầu cùng chính quyền địa phương thực hiện bàn giao thiết bị



Hộ gia đình đủ điều kiện nhận hỗ trợ máy tính bảng

Thuận lợi, khó khăn của Phương án 1:

ƯU ĐIỂM	NHƯỢC ĐIỂM
<ul style="list-style-type: none">- Hộ gia đình tự quyết định mua sắm máy tính bảng có chủng loại, cấu hình theo nhu cầu.- Triển khai chính sách được ngay, hộ gia đình có máy tính bảng để sử dụng ngay, không phải chờ đợi thực hiện đấu thầu mua thiết bị theo quy định.- Giảm tải trách nhiệm của cơ quan quản lý và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trong bảo hành thiết bị.	<ul style="list-style-type: none">- Hộ gia đình gặp khó khăn về tiếp cận thị trường máy tính bảng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.- Hộ gia đình phải tự đảm bảo chi phí đi lại để mua máy tính bảng, phát sinh thêm chi phí cho hộ gia đình- Hộ gia đình gặp khó khăn, rủi ro trong việc xác định cấu hình kỹ thuật, chất lượng thiết bị.- Nhà nước và doanh nghiệp gặp khó khăn trong kiểm soát đảm bảo điều kiện hỗ trợ, nhất là kiểm soát trùng lặp trong hỗ trợ.

Thuận lợi, khó khăn của Phương án 2:

ƯU ĐIỂM	NHƯỢC ĐIỂM
<ul style="list-style-type: none">- Hộ gia đình không gặp khó khăn khi tự mua sắm máy tính, không phải bỏ thêm chi phí.- Kết hợp đồng bộ giữa hỗ trợ thiết bị và hỗ trợ dịch vụ VTCI kèm theo; thiết bị sẽ được cài đặt sẵn những nền tảng cần thiết phục vụ học tập.- Hộ gia đình không phải gặp rủi ro về chất lượng, cấu hình thiết bị.- Đảm bảo cạnh tranh theo cơ chế thị trường (về giá, chất lượng thiết bị và dịch vụ)-> đối tượng được hưởng lợi nhiều hơn.- Thuận lợi trong công tác giám sát thực hiện.- Gắn được trách nhiệm bảo hành thiết bị với hỗ trợ dịch vụ của doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none">- Hộ gia đình được hỗ trợ không có điều kiện tự lựa chọn loại thiết bị và cấu hình theo nhu cầu.- Mức hỗ trợ theo kết quả lựa chọn nhà thầu nên Chương trình có thể phải tăng thêm chi phí liên quan đến quản lý, mua sắm, bàn giao cấp thiết bị đến từng hộ gia đình.- Cần thêm thời gian thực hiện các thủ tục mua sắm thiết bị theo quy định của pháp luật.

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

9. Hỗ trợ chi phí sử dụng DVVTCI kèm theo máy tính bảng

9.1. Đối tượng nhận hỗ trợ:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo; *ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách xã hội.*
- Hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được hỗ trợ máy tính bảng (hoặc máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay) từ các nguồn kinh phí khác.

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

9.2. Mức hỗ trợ

a) Đối với hộ gia đình là hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình CSXH:

- Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất: 90% giá gói DVVTCl nhưng không quá 70.000 đồng.

- Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định: 90% giá gói DVVTCl nhưng không quá 90.000 đồng.

b) Đối với hộ gia đình là hộ nghèo, hộ cận nghèo còn lại:

- Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất: 80% giá gói DVVTCl, nhưng không quá 60.000 đồng.

- Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định: 80% giá gói DVVTCl, nhưng không quá 80.000 đồng.

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

9.3. Phương thức thực hiện hỗ trợ

- Thực hiện đặt hàng doanh nghiệp cung cấp DVVTCI thực hiện (trường hợp hỗ trợ bằng tiền).
- Thực hiện đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp cung cấp DVVTCI kèm theo (cùng với nội dung mua máy tính bảng, trường hợp hỗ trợ bằng thiết bị).
- Đối với hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình khác: Thực hiện đặt hàng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích kèm theo.

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

10. Lập kế hoạch, dự toán và đặt hàng doanh nghiệp

10.1. Trường hợp hỗ trợ bằng tiền:

- Doanh nghiệp căn cứ danh sách do UBND cấp tỉnh phê duyệt lập kế hoạch và dự toán kinh phí gửi Quỹ DVVTCI Việt Nam.
- Quỹ DVVTCI Việt Nam căn cứ kế hoạch, dự toán được Bộ TTTT phê duyệt, tổ chức ký hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ.

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

10.2. Hỗ trợ bằng hiện vật

Quỹ lập kế hoạch, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Bộ



Bộ thẩm định, phê duyệt kế hoạch, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu



Quỹ tổ chức thực hiện đấu thầu

I. THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỖ TRỢ MÁY TÍNH BẢNG VÀ DỊCH VỤ VTCI KÈM THEO

11. Tạm ứng kinh phí

- Mức tạm ứng lần thứ nhất không quá 50% giá trị hợp đồng.
- Mức tạm ứng các lần tiếp theo (nếu có) theo quy định cụ thể tại Hợp đồng, nhưng số dư tạm ứng tại thời điểm tạm ứng không vượt quá 50% giá trị còn lại của Hợp đồng.

**NỘI DUNG TRAO ĐỔI,
XIN Ý KIẾN:**

1. Về cấu hình kỹ thuật, mức hỗ trợ bằng tiền.

2. Tiêu chí phân bổ máy tính bảng cho các địa phương.

3. Tiêu chí ưu tiên lựa chọn, xác định hộ gia đình nhận hỗ trợ.

4. Về lựa chọn phương án hỗ trợ (bằng tiền hoặc bằng hiện vật).

5. Trách nhiệm phối hợp quản lý của các bộ và địa phương, doanh nghiệp.

6. Trình tự, thủ tục quản lý hỗ trợ và các vấn đề khác.

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!